TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:639/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Thuỷ và Ông Nguyễn Thanh Tiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 562/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023, việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 635/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 662/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ D, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: tổ D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày và có ý kiến như sau:*

Về hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành D do quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 26 ngày 23 tháng 01 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông D thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành D.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 01/01/2002, đã thành niên, có khả năng lao động và chưa thành niên tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/01/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 04/4/2011. Hiện nay cháu Đ và cháu M đang sống chung với bà Nguyễn Thị Kim L. Ý kiến cháu Đ và cháu M có nguyện vọng sống chung với bà Nguyễn Thị Kim L. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/01/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 04/4/2011, không yêu cầu ông Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Thành D không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 22/11/2023, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim L. Ông Nguyễn Thành D đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Nguyễn Thành D vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành D là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành D không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Thành D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo giấy khai sinh của Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh Đ và Nguyễn Thị Trà M, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim L thì bà và ông Nguyễn Thành D có con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 01/01/2002, đã thành niên, có khả năng lao động và chưa thành niên tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/01/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 04/4/2011, bà Nguyễn Thị Kim L đang nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, con chung được bà Nguyễn Thị Kim L giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập nên bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được nuôi con là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/01/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 04/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Nguyễn Thị Kim L và các thành viên trong gia đình của bà Nguyễn Thị Kim L không được cản trở ông Nguyễn Thành D thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày giữa bà và ông Nguyễn Thành D về tài sản chung và nợ chung là không có nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Nguyễn Thành D để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Kim L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành D.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 26 ngày 23 tháng 01 năm 2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành D không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 01/01/2002, đã thành niên, có khả năng lao động và chưa thành niên tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/01/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 04/4/2011.

Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 23/01/2007 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 04/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thành D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Nguyễn Thị Kim L và các thành viên trong gia đình của bà Nguyễn Thị Kim L không được cản trở ông Nguyễn Thành D thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày tài sản chung và nợ chung giữa bà và ông Nguyễn Thành D là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015364 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành D vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây;
- Lưu hồ sơ, Vp./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Võ Việt Nam